

# VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG SƯ PHẠM Ở TỈNH MIỀN NÚI

NGUYỄN THỊ THU DUNG - NGUYỄN THỊ NGUYỆT NGA\*

Ngày nhận bài: 05/06/2016; ngày sửa chữa: 07/07/2016; ngày duyệt đăng: 08/07/2016.

**Abstract:** The article analyses the main issues in researching on ethnic minority languages in Vietnam. Based on the analysis, article proposes solutions to study languages of ethnic minorities in mountainous provinces in upcoming time and points out the role of pedagogical colleges in studying these languages.

**Keywords:** Language study, ethnic minorities, mountainous province.

Từ thời xa xưa, Việt Nam là nơi quy tụ của nhiều tộc người có nguồn gốc khác nhau, với những tiếng nói và những nền văn hóa khác nhau. Do những điều kiện lịch sử quy định, quá trình thiên di của mỗi tộc người diễn ra khi lẻ tẻ, lúc ô ạt nhưng thường xuyên, liên tục, đã tạo nên bức tranh cư trú xen kẽ của nhiều tộc người trong những khu vực địa lý nhất định trên đất nước ta; với những “gam màu” đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ tộc người. Theo tài liệu của Viện Ngôn ngữ học (năm 2000), Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh là dân tộc đa số và 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với khoảng gần 100 ngôn ngữ khác nhau. Các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam đại diện cho hầu hết các ngữ chi, ngữ hệ ở Đông Á và Đông Nam Á. Do vậy, nghiên cứu ngôn ngữ (NCNN) các DTTS có vai trò và ý nghĩa nhất định trong sự phát triển khoa học ngôn ngữ nói riêng, sự phát triển văn hóa và dân tộc nói chung. Với tư cách là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho nền giáo dục của một tỉnh miền núi - địa phương có nhiều DTTS sinh sống, nhà trường sư phạm cần xác định được vai trò của mình trong sứ mệnh góp phần phát triển giáo dục, văn hóa xã hội của địa phương, trong đó có việc nghiên cứu, bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa các DTTS.

## 1. Vai trò của việc NCNN các DTTS hiện nay

Trên lãnh thổ Việt Nam, phân bố hàng chục ngôn ngữ của các cộng đồng DTTS khác nhau. Việc NCNN Việt Nam nói chung và NCNN DTTS nói riêng có ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn. Về khoa học, ngôn ngữ DTTS là nguồn tư liệu phong phú để nghiên cứu, kiểm nghiệm và xây dựng các lý thuyết về loại hình học các ngôn ngữ đơn lập, ..., những vấn đề về lý thuyết ngôn ngữ học xã hội ở các quốc gia đa ngôn ngữ, đa dân tộc... Về thực tiễn, nhằm bảo tồn và phát huy ngôn ngữ, chữ viết DTTS - một trong những yếu tố xác định tộc người và là một trong những thành tố quan trọng cấu thành văn hóa dân tộc, góp phần ổn định và phát triển

quan hệ hài hòa giữa các dân tộc trong một nước Việt Nam đa dạng mà thống nhất.

Với những ý nghĩa đó, NCNN DTTS ở Việt Nam được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các nhà ngôn ngữ học. Cho đến nay, Nhà nước ta đã có những văn bản chính thức quy định chính sách cụ thể đối với chức năng cũng như việc sử dụng của các ngôn ngữ DTTS. Tuy nhiên, từ chính sách đến thực tiễn còn rất nhiều vấn đề bất cập. Vì vậy, những nghiên cứu cụ thể về thực trạng sử dụng ngôn ngữ DTTS là một phần quan trọng để làm cầu nối đưa chính sách đến thực tiễn, đồng thời phản ánh thực tiễn giúp cho việc hoạch định chính sách.

Thực tế ở nhiều nước và khu vực trên thế giới chỉ ra rằng, trong một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, sự ổn định về chính trị, xã hội phụ thuộc rất nhiều vào việc giải quyết quan hệ giữa các dân tộc và giữa các ngôn ngữ. Ở nước ta, một nhiệm vụ quan trọng đối với những người làm công tác NCNN là tham gia vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nhằm phát triển hài hòa quan hệ giữa các dân tộc và ngôn ngữ các tộc người. Nghiên cứu về ngôn ngữ các DTTS là một phần của nhiệm vụ ấy.

## 2. Những vấn đề chính yếu trong NCNN các DTTS ở Việt Nam

### 2.1. Điều tra thu thập tư liệu về ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam

Công tác điều tra, thu thập tư liệu ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam đã được Viện Ngôn ngữ học cũng như các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tiến hành từ những năm 60 của thế kỷ XX. Cho đến nay, trải qua nhiều giai đoạn, với sự phát triển về quy mô, phạm vi, đối tượng, phương pháp, trình độ cán bộ; kết quả khảo sát đã được thể hiện trong nhiều đề tài, dự án. Trên cơ sở tư liệu đã

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên

điều tra, cơ sở dữ liệu (số hóa) ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam đã bước đầu được thành lập.

Kết quả điều tra và cơ sở dữ liệu về ngôn ngữ DTTS là nguồn tài liệu vô cùng quý giá để nghiên cứu những vấn đề lí luận và giải quyết thực tiễn. Cần phải thấy rõ hơn ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn của công tác điều tra, thu thập tư liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu ngôn ngữ DTTS về phương diện bảo tồn các tư liệu quý thuộc những ngôn ngữ đang có nguy cơ tiêu vong.

**2.2. Nghiên cứu những vấn đề lí luận về loại hình học, quan hệ lịch sử, tiếp xúc ngôn ngữ và những vấn đề ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tộc người liên quan đến ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam.** Những đóng góp về nghiên cứu lí luận ngôn ngữ DTTS tập trung ở 4 lĩnh vực chính:

- *Miêu tả đồng đại các ngôn ngữ DTTS:* Việc khảo sát, miêu tả đồng đại các ngôn ngữ về bình diện ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, cấu tạo từ, cú pháp đưa ra một khối lượng tư liệu mới vào đời sống khoa học, góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu sâu sắc hơn về những vấn đề lí thuyết, đặc biệt là lí thuyết loại hình học, ngôn ngữ học khu vực và quan hệ lịch sử các ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á. Cho đến nay, một số ngôn ngữ DTTS đã được miêu tả một cách hệ thống trên tất cả các bình diện như Tây - Nùng, Mường, Rục, La chí, Dao,... và công việc này vẫn đang được tiếp tục bởi các nhà NCNN.

- *NCNN DTTS từ quan điểm và phương pháp ngôn ngữ học lịch sử:* Đây là một trong những hướng nghiên cứu quan trọng trong NCNN các DTTS để giải quyết mối quan hệ lịch sử giữa các ngôn ngữ. Đó là những vấn đề về nguồn gốc, sự phân loại phổ hệ, phục nguyên, sự phát triển lịch sử các bình diện ngôn ngữ. Lịch sử ngôn ngữ cũng chính là lịch sử dân tộc, việc nghiên cứu lịch sử các ngôn ngữ cung cấp những cứ liệu để nghiên cứu cội nguồn, lịch sử hình thành và phát triển các tộc người, quan hệ giữa các tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á.

- *NCNN DTTS từ quan điểm và phương pháp ngôn ngữ học khu vực loại hình học:* Về mặt loại hình học, tất cả các ngôn ngữ ở Việt Nam đều thuộc loại hình đơn lập, là loại hình chiếm vị trí thống trị ở khu vực Đông Nam Á. Những tư liệu và nghiên cứu các ngôn ngữ DTTS cho chúng ta hiểu biết sâu hơn về các đặc trưng của các ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập không chỉ ở những nét giống nhau mà cả những nét khác biệt giữa chúng, từ đó có thể phân thành các tiểu loại riêng trong loại hình đơn lập.

- *NCNN DTTS từ quan điểm và phương pháp ngôn ngữ học xã hội:* Đây là một hướng nghiên cứu đang rất được quan tâm vì nó liên quan đến các vấn đề như chính sách ngôn ngữ trong quốc gia đa dân tộc,

đa ngôn ngữ; xung đột dân tộc và xung đột ngôn ngữ...

Những vấn đề chính yếu khi NCNN DTTS theo hướng này là: Lí luận về chính sách ngôn ngữ trong quốc gia đa ngôn ngữ, vận dụng lí luận Mác - Lê nin, đặc biệt là các nguyên tắc về chính sách dân tộc của Lê Nin vào giải quyết những vấn đề ở Việt Nam. Phân tích những đặc điểm về lịch sử tộc người, địa lí, dân số - tộc người, sự hành chức của các ngôn ngữ trong cả nước, ở từng khu vực và đối với từng ngôn ngữ để có thể đề xuất những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn và phát huy tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số. Cụ thể:

- *Vấn đề phát triển chức năng ngôn ngữ:* Trong quốc gia đa ngôn ngữ, các ngôn ngữ có chức năng xã hội khác nhau như ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ giao tiếp giữa các dân tộc của cả nước và một số khu vực, ngôn ngữ dùng trong giáo dục các cấp khác nhau, ngôn ngữ sử dụng với mức độ khác nhau trong phương tiện thông tin đại chúng, ngôn ngữ giao tiếp trong làng bản, ngôn ngữ trong gia đình... Chính sách ngôn ngữ nhằm phát triển hài hòa các ngôn ngữ có chức năng xã hội khác nhau, giải quyết và loại bỏ những xung đột dân tộc, xung đột ngôn ngữ.

- *Cơ sở lí luận và thực tiễn về song ngữ:* Song ngữ, đa ngữ là hiện tượng phổ biến và ngày càng phát triển ở nước ta; hiện nay chủ yếu là song, đa ngữ tự phát. Trong quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, phát triển song ngữ, đa ngữ là biện pháp tốt nhất để các ngôn ngữ cùng hài hòa phát triển, lại bỏ xung đột ngôn ngữ, xung đột tộc người. Hình thức song ngữ cần tăng cường phát triển ở nước ta là: song ngữ ngôn ngữ DTTS - tiếng Việt, tiếng Việt - ngôn ngữ DTTS và ngôn ngữ DTTS - ngôn ngữ DTTS.

- *Bảo tồn ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong:* Sự mất đi các ngôn ngữ (ngôn ngữ tiêu vong) đang là mối quan tâm của nhiều quốc gia, nhiều nhà khoa học thuộc các chuyên ngành khác nhau, đặc biệt của giới NCNN...

**2.3. Nghiên cứu ứng dụng nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam.** Một số đóng góp trong lĩnh vực này là: Nghiên cứu và đề xuất những vấn đề liên quan đến chính sách ngôn ngữ, góp phần xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam, xây dựng chữ viết cho các DTTS.

Phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa vùng DTTS, trong quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, phát triển song ngữ, đa ngữ là biện pháp tốt nhất để các ngôn ngữ cùng hài hòa phát triển, loại bỏ xung đột ngôn ngữ, xung đột tộc người. Để phát triển các hình thức song ngữ, đa ngữ tích cực, cần phải phổ biến tiếng Việt - ngôn ngữ quốc gia trong cộng đồng các DTTS, đồng thời phải phát triển chức năng xã hội của các ngôn ngữ DTTS.

### **3. Một số định hướng trong NCNN các DTTS hiện nay và vai trò của nhà trường sư phạm ở một tỉnh miền núi**

#### **3.1. Một số định hướng trong NCNN các DTTS ở Việt Nam hiện nay:**

- Cần tiếp tục đổi mới về phương pháp, cách thức tổ chức điều tra ngôn ngữ DTTS. Đẩy mạnh việc xử lý và tổng kết tư liệu đã điều tra. Cần tập trung vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu với các kho khác nhau... Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào điều tra thu thập, xử lý, phổ biến tư liệu ngôn ngữ DTTS...

- Trên cơ sở tư liệu đã xử lý và tổng kết, tăng cường nghiên cứu cơ bản góp phần giải quyết những vấn đề lí luận về quan hệ lịch sử, loại hình học và ngôn ngữ học xã hội liên quan đến ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam và khu vực.

- Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, góp phần giải quyết những yêu cầu của đời sống xã hội về bảo tồn và phát huy ngôn ngữ, chữ viết DTTS trong các lĩnh vực như phát triển văn hóa, giáo dục, thông tin đại chúng.

#### **3.2. Vai trò của nhà trường sư phạm ở một tỉnh miền núi đối với công tác NCNN các DTTS**

Từ trước đến nay, công tác NCNN các DTTS thường được thực hiện chủ yếu bởi các nhà khoa học, các học viên cao học hoặc nghiên cứu sinh tại các trường đại học. So với các phân ngành khác của Ngôn ngữ học, lực lượng tham gia NCNN các DTTS mỏng hơn nhiều. Điều này xuất phát từ nhiều lí do, trong đó một phần là do sự khó khăn trong điều kiện đi thực tế tại các vùng miền núi. Vì vậy, cần có sự chung tay của chính những người đang công tác tại những vùng DTTS mà nhà trường sư phạm địa phương là một nguồn lực rất lớn. Nhà trường sư phạm là nơi đào tạo đội ngũ giáo viên có kiến thức, có kĩ năng để thực hiện công tác giáo dục đến từng thôn bản của người DTTS. Nếu được định hướng ngay trong nhà trường thì đây sẽ là đội ngũ tham gia rất hiệu quả vào công tác phục vụ cho những nghiên cứu về ngôn ngữ các DTTS. Mặt khác, nhà trường sư phạm với lực lượng cán bộ giảng viên được đào tạo nhất định về phương pháp nghiên cứu khoa học cũng sẽ là những nhà khoa học tiềm năng nếu thực sự quan tâm và được khuyến khích nghiên cứu về ngôn ngữ các DTTS. Nhà trường sư phạm ở các tỉnh miền núi - nơi có nhiều người DTTS sinh sống - cần xác định vai trò của mình trong công tác này. Cụ thể:

- Nhà trường sư phạm là môi trường phù hợp để triển khai thực hiện những đề tài NCNN DTTS như: nghiên cứu về vấn đề sử dụng ngôn ngữ, năng lực và thái độ ngôn ngữ của học sinh, sinh viên người DTTS; vấn đề xây dựng chữ viết cho người DTTS; vấn đề giáo dục ngôn ngữ ở vùng DTTS, vấn đề chính sách trong giáo dục cho đối tượng là học sinh, sinh viên người DTTS; vấn đề bảo tồn và phát triển ngôn ngữ DTTS...

Với những thuận lợi về điều kiện thâm nhập thực tế, về nguồn nhân lực, năng lực và môi trường nghiên cứu; nhà trường sư phạm có thể thực hiện những đề tài nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ các DTTS ở địa phương mình một cách sâu rộng và hiệu quả. Hiện nay, ở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên, việc NCNN các DTTS đã được thực hiện một phần thông qua các đề tài nghiên cứu về văn hóa các DTTS trong địa phương, các đề tài nghiên cứu dạy học tiếng Việt... của các giảng viên trong trường. Tuy nhiên, những nghiên cứu này mới chỉ đề cập đến ngôn ngữ các DTTS như là một phần của khách thể nghiên cứu chứ ngôn ngữ chưa thực sự là một đối tượng nghiên cứu chính.

- Nhà trường sư phạm có thể cung cấp những tư liệu thực tế về ngôn ngữ các DTTS của địa phương mình. Chẳng hạn, ở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên hiện nay có hơn 90% sinh viên là con em các DTTS trên địa bàn. Bức tranh sử dụng ngôn ngữ của đối tượng này là một mảng lớn trong bức tranh ngôn ngữ của người DTTS.

- Nhà trường sư phạm là cầu nối giữa chính sách ngôn ngữ của Nhà nước với thực tiễn cuộc sống thông qua việc đào tạo giáo viên làm việc tại mọi điểm bản của người DTTS. Ngoài ra, đây còn là môi trường tốt nhất để định hướng, giáo dục, tuyên truyền ý thức về vấn đề bảo tồn ngôn ngữ các DTTS.

- Nhà trường sư phạm cùng với các trường dân tộc nội trú là môi trường tốt nhất để thực hiện dạy chữ viết của người DTTS. Hiện nay, vấn đề này đang rất được Đảng và Nhà nước quan tâm, được xem là biện pháp tích cực để thực hiện bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa các DTTS. Đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên, cho đến nay, trường đã tổ chức thành công 02 lớp dạy chữ viết tiếng Thái và tiếng Mông cho đối tượng là giáo viên tiểu học trong toàn tỉnh và đã đạt được những hiệu quả nhất định cũng như phản hồi tốt từ người học. Đây là một chính sách đúng đắn cần được tiếp tục triển khai trong tương lai.

- Nhà trường sư phạm địa phương đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đào tạo giáo viên song ngữ để thực hiện dạy học ngôn ngữ DTTS ở các trường tiểu học trên địa bàn. Hiện nay, các nhà giáo dục rất quan tâm đến việc dạy và học ngôn ngữ các DTTS. Tuy nhiên, “Dạy và học ngôn ngữ DTTS như thế nào?”, “Dạy và học ngôn ngữ DTTS để làm gì?”. Những câu hỏi này được đặt ra chúng ta không phải ở đâu và lúc nào mục đích của công tác này cũng được xác định rõ. Trả lời câu hỏi này là một phần nhiệm vụ của nhà trường sư phạm.

Tiềm năng NCNN các DTTS ở nhà trường sư phạm địa phương là rất lớn. Tuy nhiên, bản thân nhà trường, chính quyền địa phương cũng như những nhà nghiên cứu

*(Xem tiếp trang 189)*

Kết quả đánh giá định lượng dựa trên các tiêu chí NLTH của HS cho thấy, NLTH có sự tăng lên rõ rệt theo chiều hướng tích cực. *Mức 0*: trước thực TN (TTN) chiếm 18%, sau TN (STN) giảm còn 2,39%; *mức 2*: TTN chiếm 24,13%, STN tăng lên 35,22%; *mức 3*: TTN đạt 3,5%, STN tăng lên đến 62,34%. Độ tin cậy của dữ liệu ở 3 giai đoạn TTN, giữa TN, STN lần lượt là 0,75; 0,76; 0,85 (đều lớn hơn 0,7), chứng tỏ kết quả quan sát và đánh giá về các tiêu chí của NLTH là đáng tin cậy.

Để đánh giá hiệu quả lĩnh hội tri thức, trước khi TN chúng tôi đánh giá mức độ đạt được về nội dung kiến thức của HS bằng 01 bài kiểm tra về tiểu CĐ 1. Giữa TN chúng tôi tiến hành 1 bài kiểm tra 2 (sau mỗi tiểu CĐ 2, 3, 4; lấy điểm trung bình) và cuối TN là bài kiểm tra 03. Bài kiểm tra 03 thực hiện sau khi HS học xong 5 tiểu CĐ. Kết quả thu được như sau: điểm trung bình ở bài kiểm tra 01, 02, 03 lần lượt là 6,24; 6,83; 7,38. Độ lệch chuẩn tương ứng là 1,48; 1,17; 1,03. Điểm trung bình tăng dần, trong khi đó độ lệch chuẩn giảm dần, chứng tỏ độ phân tán điểm quanh giá trị trung bình càng nhỏ và càng tin cậy.

Sai khác về điểm trung bình cộng giữa cặp bài KT2-1; KT3-2 lần lượt là 0,6; 0,55 với các giá trị p đều nhỏ hơn 0,05. Điều này khẳng định sự tiến bộ của lớp về mức độ nhận thức là do TN đem lại, qua đó có thể kết luận việc sử dụng quy trình và công cụ mà chúng tôi đề xuất để rèn luyện NLTH cho HS trong DH chương “Cảm ứng” (Sinh học 11) là có hiệu quả và khả thi.

\*\*\*

Trong bài viết trên, chúng tôi đã phân tích quy trình phát triển NLTH qua 5 tiểu CĐ của chương “Cảm ứng”. Qua TN, bước đầu cho thấy việc vận dụng quy trình phát triển NLTH cho HS trong DH chương “Cảm ứng” đã đề xuất có hiệu quả, đồng thời qua việc tự học các tiểu CĐ cũng góp phần nâng cao hiệu quả lĩnh hội tri thức của HS. Các kết quả đã được kiểm định, có ý nghĩa thống kê, các quy trình đề xuất có hiệu quả và khả thi. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Thái Duy Tuyên (2010). *Phương pháp giáo dục truyền thống và đổi mới (Tái bản lần thứ hai)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Trần Bá Hoành (2007). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) - Hà Thị Đức (2013). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên) - Nguyễn Kỳ - Vũ Văn Tảo - Lê Khánh Bằng (2004). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Rogiers X. (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*. NXB Giáo dục.

[7] Vũ Trọng Rỹ (1994). *Một số vấn đề lí luận về rèn luyện kĩ năng học tập cho học sinh*. Viện Khoa học Giáo dục.

[8] Phan Thị Thanh Hội - Lê Thanh Oai (2015). *Thiết kế chuyên đề dạy học Sinh học 8 ở trường trung học cơ sở*. Tạp chí Giáo dục, số 365, tr 54-56.

## Vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ...

(Tiếp theo trang 157)

cứu hàng đầu về ngôn ngữ DTTS, những nhà hoạch định chính sách cần có sự chung tay để việc NCNN DTTS có thể được thực hiện nhiều hơn và hiệu quả hơn ở môi trường này. Hi vọng trong tương lai, các trường sư phạm ở các tỉnh miền núi có thể đóng góp nhiều hơn cho công tác nghiên cứu về ngôn ngữ DTTS nói riêng, sự phát triển của cộng đồng người DTTS nói chung.

\*\*\*

NCNN các DTTS là một mảng lớn trong nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay, công tác nghiên cứu này còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, điều kiện nghiên cứu và những bất cập trong việc hoạch định chính sách, kế hoạch hóa ngôn ngữ. Nhà trường sư phạm ở các tỉnh miền núi, với tiềm lực của mình, nếu được định hướng và khuyến khích, sẽ góp phần tích cực cho sự mở rộng và phát triển của việc NCNN các DTTS, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của chính nhà trường, gắn liền khoa học với thực tiễn địa phương. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Trí Dõi (2003). *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Trần Trí Dõi (2003). *Chính sách ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Khang (1999). *Ngôn ngữ học xã hội – Những vấn đề cơ bản*. NXB Khoa học xã hội.
- [4] Nguyễn Văn Lợi (1999). *Các ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn sự đa dạng văn hóa, ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, tr 47-59.
- [5] Phan Ngọc - Phạm Đức Dương (2011). *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*. NXB Từ điển Bách Khoa.
- [6] Hoàng Tuệ (1996). *Ngôn ngữ và đời sống xã hội – văn hóa*. NXB Giáo dục.
- [7] Hoàng Tuệ (1987). *Thống nhất và đa dạng ngôn ngữ trong một quốc gia nhiều ngôn ngữ*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 1-2, tr 1-8.
- [8] Viện Ngôn ngữ học (2002). *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.